

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HUỆ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mai Văn Công.

Ông Trần Văn Cương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Cẩm T - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: 52/27D ấp Sò Đo, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-01-2021).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1 - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn Đ2, huyện Đ1, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18-01-2021).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 30-11-2020, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm T trình bày: bà T và ông Nguyễn Văn T1 cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 21-9-2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Bà T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trọng N (sinh ngày 18-02-2011) và Nguyễn Huỳnh Thảo N1

(sinh ngày 13-4-2015). Hiện 02 con chung đang sống với ông T1. Bà T yêu cầu Nguyễn Trọng N có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi Nguyễn Huỳnh Thảo N1, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Tại bản tự khai ngày 18-01-2021, ông Nguyễn Văn T1 khai thống nhất với lời khai của bà T về điều kiện kết hôn, có 02 con chung, thời gian phát sinh mâu thuẫn, không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Về con chung, ông T1 yêu cầu trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T1. Ông T1 cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải 02 lần vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà T và ông T1 vắng mặt tại phiên tòa và cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T: bà T và ông T1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 21-9-2010 tại UBND thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà T và ông T1 khai thống nhất nhau về thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và đều không có thiện chí đoàn tụ. Bà T yêu cầu ly hôn, ông T1 cũng đồng ý ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà T và ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về nuôi con chung: Con chung tên Nguyễn Trọng N đã thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với ông T1 nên giao cho ông T1 trực tiếp nuôi. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Thảo N1 nhưng bà T vắng mặt tại phiên tòa, không chứng minh về điều kiện nuôi con chung của bà T hay ông T1 là tốt hơn cho cháu Thảo N1. Đồng thời cháu Thảo N1 cũng đang do ông T1 trực tiếp nuôi

dưỡng từ khi bà T về nhà mẹ ruột sống từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Do đó để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự ổn định để phát triển tốt nhất cho con chung thì giao cả 02 con chung cho ông T1 nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T1 không yêu cầu bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án). Ông T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Văn T1 về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về con chung: ông Nguyễn Văn T1 được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Trọng N (sinh ngày 18-02-2011) và Nguyễn Huỳnh Thảo N1 (sinh ngày 13-4-2015). Hiện 02 con chung đang sống với ông T1. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà T và ông T1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008908 ngày 09-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đông Thành (*ghi số hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trần Thị Bích Liên**